TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 21-8-2017.
"V/v tranh chấp xin ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thái Thị Hoa.

Ông Nguyễn Văn Phụng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Huỳnh Tuấn Hảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2017 "Về việc tranh chấp xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 40, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn T, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 24/5/2017 và trong bản tự khai ngày 26/6/2017, nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trương Văn T kết hôn vào ngày 09/5/2005, kết hôn trên sự tự nguyện của anh chị, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh S. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị và anh T sống ly thân từ tháng 6 năm 2014 cho đến nay. Từ khi ly thân anh T đã bỏ nhà đi biệt tích, không có tin tức gì, chị H đã tìm kiếm anh T nhiều lần nhưng không

gặp, nên chị H yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất tích. Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định số: 04/2017/QĐDS-ST, ngày 07/4/2017 tuyên bố anh T mất tích. Vì anh T đã mất tích, nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Trần Thị Ngọc H và anh Trương Văn T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc H xác định chị và anh Trương Văn T không có tài sản chung và nợ chung, nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Trần Thị Ngọc H lập ngày 14/8/2017, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Tòa án nhân dân huyện C đã tuyên bố mất tích đối với bị đơn là anh Trương Văn T, nên anh T không cung cấp bản tự khai và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của anh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc H là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Trương Văn T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc H và anh Trương Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh S, nên hôn nhân của chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến tháng 02 năm 2014 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên anh chị chung sống không còn hạnh phúc. Anh chị không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau để hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, đến tháng 6 năm 2014 thì anh T đã bỏ nhà đi biệt tích cho đến nay. Tòa án nhân dân huyện C đã ra quyết định số: 04/2017/QĐDS-ST, ngày 07/4/2017 tuyên bố anh T mất tích. Xét thấy, anh T đã mất tích, chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc H xác định trong thời gian chung sống chị và anh Trương Văn T không có con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc H xác định trong thời gian chung sống chị và anh Trương Văn T không có tài sản chung và nợ chung, chị không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Trần Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006126 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, như vậy chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Trương Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Ngọc H được ly hôn với anh Trương Văn T.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc H không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Ngọc H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006126 ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, như vậy chị H đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Trương Văn T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc H và bị đơn anh Trương Văn T không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật

Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh S;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Liên Lâm Anh Thảo